

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST

Ngày: 28 - 4 - 2023

**NHÂN DANH
N- ÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy

Ông Hà Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hoan - Thư ký tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2023/TLST- HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Đàm Thị N; vợ: Bùi Thị T, có 02 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ ngày 19/12/2022 đến ngày 22/12/2022 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bùi Sỹ Đức A - sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

2. Ngô Tiến L - sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

3. Nguyễn Văn L - sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 07/2021 đến tháng 12/2022, Nguyễn Tuấn A đã sử dụng nguồn tiền của cá nhân cho một số người dân trên địa bàn huyện Quảng Xương vay với lãi suất từ 4.444 đồng/1 triệu/1 ngày đến

5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 162,2%/1 năm đến 182,5%/1 năm. Khi khách có nhu cầu vay tiền, Tuấn Anh kiểm tra thông tin của khách vay như: tên, tuổi, địa chỉ,... và tùy theo điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của khách vay, Tuấn A đưa ra hình thức vay, mức lãi suất khác nhau; không yêu cầu khách vay phải cầm cố, thế chấp tài sản hay giấy tờ gì và không ấn định thời hạn trả gốc. Khách đồng ý vay tiền, Tuấn A sẽ đưa tiền cho khách, đồng thời cắt trước tiền lãi của tháng đầu tiên và thỏa thuận từ các tháng tiếp theo khách vay sẽ phải trả tiền lãi hàng tháng cho Tuấn A cho đến khi trả xong tiền gốc. Sau đó, Tuấn A lưu thông tin khách vay, ngày vay, số tiền vay vào mục Ghi chú trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu đen của Tuấn A để theo dõi ngày lấy lãi. Đến ngày 19/12/2022, nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Nguyễn Tuấn A đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương tự thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Từ tháng 07/2021 đến tháng 12/2022, Tuấn A đã sử dụng số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) của cá nhân cho 03 khách vay lấy lãi với mức lãi suất đều vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Cụ thể như sau:

1. Ngày 28/7/2021, Tuấn A cho anh Bùi Sỹ Đức A (SN 1996, ở Khu phố 2, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) không ấn định ngày trả gốc, với lãi suất 4.444đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 162,2%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh Đức A phải trả là 4.000.000đ/tháng. Khi cho vay Tuấn A cắt trước 4.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên. Quá trình vay, anh Đức A đã trả thêm cho Tuấn A được 05 tháng tiền lãi với tổng số tiền 20.000.000đ. Đến ngày 28/01/2022, do điều kiện khó khăn nên anh Đức A xin Tuấn A không trả lãi, chỉ trả dần tiền gốc, Tuấn A đồng ý. Tính đến ngày 19/12/2022 (thời điểm phát hiện tội phạm) anh Đức A đã trả cho Tuấn A được 06 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 24.000.000đ (*Hai mươi tư triệu đồng*) và 26.000.000đ (*Hai mươi sáu triệu đồng*) tiền gốc, còn nợ lại 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) tiền gốc, với số tiền cho vay là 30.000.000đ, mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự trong vòng 06 tháng là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Như vậy, số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 21.000.000đ (*Hai mươi một triệu đồng*).

2. Ngày 15/01/2022, Tuấn A cho anh Ngô Tiến L (SN 1988, ở thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) không ấn định ngày trả gốc, với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 182,5%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh L phải trả là 3.000.000đ/tháng. Khi cho vay Tuấn A cắt trước 3.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên. Quá trình vay, anh Luật đã trả thêm cho Tuấn A được 04 tháng tiền lãi với số tiền 12.000.000đ. Tính đến ngày 19/12/2022 (thời điểm phát hiện tội phạm) anh L đã vay số tiền trên của Tuấn A trong thời gian là 11 tháng 04 ngày, tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là 33.400.000đ (*Ba mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*). Trong đó, anh L đã trả cho Tuấn A được 05 tháng tiền lãi với số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*); còn nợ lại số tiền lãi trong 06 tháng 04 ngày là 18.400.000đ (*Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng*) và hiện chưa trả tiền gốc. Với thời gian vay 11 tháng 04 ngày thì số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.710.502đ (*Ba triệu bảy trăm mười nghìn năm trăm linh hai đồng*); do vậy số tiền Tuấn Anh đã và sẽ thu lợi bất chính là 29.689.498đ (*Hai mươi chín triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng*). Thực tế Tuấn A đã thu lợi bất chính được số tiền là

11.289.498đ (*Mười một triệu hai trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng*) của anh L.

3. Ngày 01/08/2022, Tuấn A cho Nguyễn Văn L (SN 1995, ở Tổ dân phố P, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) không ấn định ngày trả gốc, với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 182,5%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh L phải trả là 1.500.000đ/tháng. Khi cho vay Tuấn A cắt trước 1.500.000đ tiền lãi tháng đầu tiên. Quá trình vay, anh Linh đã trả thêm cho Tuấn A được 03 tháng tiền lãi với số tiền là 4.500.000đ. Tính đến ngày 19/12/2022 (thời điểm phát hiện tội phạm), anh Linh đã vay số tiền trên của Tuấn A trong thời gian là 04 tháng 18 ngày, tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là 6.900.000đ (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*). Trong đó, anh Linh đã trả cho Tuấn A được 04 tháng tiền lãi với số tiền là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), còn nợ lại số tiền lãi 18 ngày là 900.000đ (*chín trăm nghìn đồng*) và hiện chưa trả tiền gốc. Với thời gian vay 04 tháng 18 ngày thì số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 765.297đ (*Bảy trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng*); số tiền Tuấn Anh đã và sẽ thu lời bất chính được là 6.134.703 (*Sáu triệu một trăm ba mươi tư nghìn bảy trăm linh ba đồng*). Thực tế Tuấn A mới thu lợi bất chính được số tiền là 5.234.703đ (*Năm triệu hai trăm ba mươi tư nghìn bảy trăm linh ba đồng*) của anh L.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 07/2021 đến tháng 12/2022, Nguyễn Tuấn A đã sử dụng số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) cho 03 khách vay gồm: các anh Bùi Sỹ Đức A, Ngô Tiến L, Nguyễn Văn L với lãi suất từ 162,2%/1 năm đến 182,5%/1 năm. Mức lãi suất trên đã vượt quá từ 8,11 lần đến 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, trong đó:

Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận mà Nguyễn Tuấn A sẽ thu được của anh Đức A, L, L kể từ ngày vay cho đến ngày 19/12/2022 (thời điểm phát hiện tội phạm) là 64.300.000đ (*Sáu mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng*). Trong đó, số tiền Tuấn A được hưởng tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.475.799đ (*Bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng*). Số tiền thu lời bất chính mà Nguyễn Tuấn A sẽ thu được là 56.824.201đ (*Năm mươi sáu triệu tám trăm hai mươi tư nghìn hai trăm linh một đồng*).

Ngoài ra, quá trình điều tra Nguyễn Tuấn A khai nhận: Ngày 18/11/2022, Tuấn A cho Nguyễn Phú H (SN 1998, ở Số nhà P507 N10, Khu chung cư Đ, phường Đ, Thành phố T) vay số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*), không ấn định ngày trả gốc, với lãi suất 2.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 97,33%/1 năm; số tiền lãi hàng tháng anh H phải trả là 1.200.000đ/tháng. Khi cho vay Tuấn A cắt trước 1.200.000đ tiền lãi tháng đầu tiên. Tính đến ngày 19/12/2022 (thời điểm phát hiện tội phạm), số tiền lãi anh H phải trả cho Tuấn A theo thỏa thuận là 1.240.005đ (*Một triệu hai trăm bốn mươi nghìn không trăm linh năm đồng*), trong đó anh Hưng đã trả cho Tuấn A được tiền lãi 01 tháng là 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*), còn nợ lại tiền lãi 01 ngày là 40.005đ (*Bốn mươi nghìn không trăm linh năm đồng*) và hiện chưa trả tiền gốc. Trong số tiền lãi trên thì Tuấn A được hưởng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với thời gian vay 01 tháng 01 ngày là 258.219đ (*Hai trăm năm mươi tám nghìn hai trăm mười chín*

đồng); số tiền thu lời bất chính là 981.786đ (Chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng). Thực tế Tuấn Anh mới thu lợi bất chính được số tiền là 950.000đ (*Chín trăm năm mươi nghìn đồng*) của anh H. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã tiến hành xác minh, triệu tập nhiều lần nhưng anh Hưng đều không có mặt tại nơi cư trú nên chưa tiến hành làm việc được. Mặt khác, theo như Tuấn A khai nhận với mức lãi suất cho anh Hưng vay là 97,33%/năm, thấp hơn *05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự* nên chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Tuấn Anh về hành vi cho anh H vay tiền với mức lãi suất trên. Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Nguyễn Tuấn A đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong vụ án.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKSQX ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Xương, tỉnh Thanh Hoá truy tố Nguyễn Tuấn A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 và khoản 3 Điều 201; điểm r, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 19/12/2022 đến 22/12/2022.

+ Về phạt bổ sung: Phạt bị cáo từ 35.000.000đ đến 40.000.000đ để sung nộp ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo (do bị cáo công ăn việc làm không ổn định)

+ Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền nợ gốc, anh Bùi Sỹ Đức A đã trả cho Nguyễn Tuấn A tổng số tiền là 26.000.000đ (*Hai mươi sáu triệu đồng*), đây là tiền Tuấn A sử dụng làm phương tiện phạm tội, cần truy thu của Tuấn A để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 7.475.799đ (*Bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng*) là tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội, cần truy thu của Tuấn A để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền Nguyễn Tuấn A đã thu lãi của người vay vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự, gồm: anh Bùi Sỹ Đức A: 21.000.000đ; anh Ngô Tiến L: 11.289.498đ; anh Nguyễn Văn L: 5.234.703đ. Quá trình điều tra xác định, các anh Đức A, L, L đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp. Đây là khoản tiền Nguyễn Tuấn Anh thu lời bất chính của những người vay, cần buộc Tuấn Anh phải trả lại số tiền trên cho những người vay.

- Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả hết cho Nguyễn Tuấn A, cụ thể: anh Bùi Sỹ Đức A còn nợ 4.000.000 đồng; anh Ngô Tiến L còn nợ 20.000.000đ; anh Nguyễn Văn L còn nợ 10.000.000 đồng. Đây là số tiền của Tuấn A dùng vào việc phạm tội, cần buộc anh Đức A, L, L phải nộp lại số tiền nợ trên để sung công quỹ Nhà nước.

+ Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 353913101940838, bên trong lắp sim Viettel số 0974116789 thu giữ của Nguyễn Tuấn A. Quá trình điều tra xác định đây là chiếc điện thoại và sim Tuấn A sử dụng để liên lạc với các khách vay và lưu thông tin khách vay, đây là công cụ phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời sau cùng đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên toà hôm nay: Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các chứng cứ tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ. Đủ cơ sở chứng minh: Xuất phát từ động cơ tư lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 07/2021 đến tháng 12/2022, Nguyễn Tuấn A đã sử dụng số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) của cá nhân cho anh Bùi Sỹ Đức A, Ngô Tiến L, Nguyễn Văn L vay với lãi suất từ 162,2%/1năm đến 182,5%/1 năm, vượt quá từ 8,11 lần đến 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự nhằm thu lời bất chính với tổng số tiền là **56.824.201đ** (*Năm mươi sáu triệu tám trăm hai mươi tư nghìn hai trăm linh một đồng*). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Tuấn A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Nguyễn Tuấn A có đầy đủ dấu hiệu của tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất vụ án: Đây là vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo đã lợi dụng nhu cầu vay cần vay tiền của người dân một cách nhanh nhất, không cần thế chấp và không phải thực hiện các thủ tục gì, đã cho vay với lãi suất cao từ 162,2%/1 năm đến 182,5%/1 năm, vượt quá từ 8,11 lần đến 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, nhằm thu lời bất chính. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do đó phải đ- ợc xử lý nghiêm minh.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo là người có nhận thức, nhưng cũng chỉ vì muốn kiếm tiền một cách nhanh nhất mà không phải bỏ công sức lao động của mình đã thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao để thu lời bất chính, dẫn đến phạm tội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân chưa tiền án tiền sự, tính chất vụ án ít nghiêm trọng, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp, khi quyết định hình phạt nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì ra tự thú, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm r, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội mang tính chất vụ lợi, nên áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS phạt tiền bị cáo 35.000.000đ là phù hợp. Bị cáo lao động tự do, công ăn việc làm không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6]. Về các biện pháp tư pháp:

[6.1]. Đối với số tiền nợ gốc là 26.000.000đ anh Bùi Sỹ Đức A đã trả cho Nguyễn Tuấn A, đây là tiền Tuấn Anh sử dụng làm phương tiện phạm tội, áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần truy thu của Tuấn Anh để sung nộp ngân sách Nhà nước.

[6.2]. Thực tế số tiền lãi mà Nguyễn Tuấn A đã thu được của anh Đức Anh, anh Luật, anh L là 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*); trong đó số tiền lãi Tuấn A được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.475.799đ (*Bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng*); số tiền thu lời bất chính đã nhận được từ 03 người vay trên là 37.524.201đ (*Ba mươi bảy triệu năm trăm hai mươi tư nghìn hai trăm linh một đồng*).

- Đối với số tiền 7.475.799đ là tiền lãi Tuấn A thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần truy thu của Tuấn A để sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 37.524.201đ Nguyễn Tuấn A đã thu lãi của người vay vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự, gồm: anh Bùi Sỹ Đức A: 21.000.000đ; anh Ngô Tiến L: 11.289.498đ; anh Nguyễn Văn L: 5.234.703đ. Quá trình điều tra xác định, các anh Đức A, L, L đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp. Đây là khoản tiền Nguyễn Tuấn A thu lời bất chính của những người vay, áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS cần buộc Tuấn A phải trả lại số tiền trên cho những người vay.

[6.3]. Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả hết cho Nguyễn Tuấn A, cụ thể: anh Bùi Sỹ Đức A còn nợ 4.000.000 đồng; anh Ngô Tiến Lu còn nợ 20.000.000đ; anh Nguyễn Văn L còn nợ 10.000.000 đồng. Đây là số tiền của Tuấn A dùng vào việc phạm tội, áp dụng khoản 3 Điều 47 BLHS nên cần buộc anh Đức A, L, L phải nộp lại số tiền nợ trên để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7]. Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 353913101940838, bên trong lắp sim Viettel số 0974116789 thu giữ của Nguyễn Tuấn A. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại

và sim Tuấn A sử dụng để liên lạc với các khách vay và lưu thông tin khách vay, ngày vay, số tiền vay vào mục ghi chú của điện thoại để theo dõi việc lấy lãi, đây là công cụ phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước. (Tang vật hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/3/2023)

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1, 3 Điều 201; điểm r, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 35; Điều 36 BLHS; khoản 2, 3 Điều 47 BLHS ; khoản 2 Điều 136; điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Nguyễn Tuấn A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Xử phạt: Nguyễn Tuấn A 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03(ba) ngày tạm giữ (từ ngày 19/12/2022 đến ngày 22/12/2022) qui đổi bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành là 11(mười một) tháng 21 (hai một) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 35.000.000đ để sung nộp ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

*** Về các biện pháp tư pháp:**

- Truy thu bị cáo số tiền 26.000.000đ và 7.475.799đ để sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Truy thu từ anh Bùi Sỹ Đức A 4.000.000đ; anh Ngô Tiến L 20.000.000đ; anh Nguyễn Văn L 10.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A phải trả lại cho anh Bùi Sỹ Đức A số tiền 21.000.000đ; anh Ngô Tiến L số tiền 11.289.498đ; anh Nguyễn Văn L số tiền: 5.234.703đ.

*** Về xử lý vật chứng:** Tịch thu chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 353913101940838, bên trong lắp sim Viettel số 0974116789 thu giữ của Nguyễn Tuấn A để sung nộp ngân sách Nhà nước. (Tang vật hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/3/2023)

*** Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- VKSND huyện Q
- Công an huyện Q
- THA DS huyện Q
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Bùi Thị Huyền

